

*** Danh mục ngành đúng và phù hợp, ngành gần, ngành khác:**

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
1	Báo chí học	8320101	Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng) hoặc bằng Cử nhân Báo chí và Truyền thông nước ngoài và có giá trị tương đương	Thông tin - thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm	Các ngành còn lại
2	Châu Á học	8310602	Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Lịch sử, Văn hóa học, Quan hệ quốc tế	Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Triết học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ học, Văn học, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Xã hội học, Nhân học, Kinh doanh quốc tế	Sư phạm Tiếng Jrai, Sư phạm Tiếng Khmer, Sư phạm Tiếng Chăm, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ Chăm, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam
3	Công tác xã hội	8760101	Cử nhân khoa học chuyên ngành: Công tác xã hội, Xã hội học, Tâm lý học, Phụ nữ học, Giới, Quản lý dự án, Phát triển nông thôn, Phát triển cộng đồng.	- Nhóm 1: Cử nhân các ngành thuộc Khoa học Xã hội và Nhân văn: Giáo dục học, Nhân học, Lịch sử, Địa lý, Văn học & Ngôn ngữ, Lưu trữ học – Quản trị văn phòng, Thư viện Thông tin học, Văn hóa học, Du lịch, Đô thị học, Báo chí truyền thông, Đông phương học, Văn hóa học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Dân tộc học, Hành chính học và cử nhân	Khoa học môi trường; Khoa học sự sống; Nông, lâm nghiệp và thủy sản; An ninh quốc phòng; Kiến trúc và xây dựng; Sản xuất và chế biến; Khoa học tự nhiên; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				các ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (Ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức...).	
				- Nhóm 2: Cử nhân các ngành không thuộc nhóm các ngành KHXX&NV như: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Sức khỏe, Môi trường và bảo vệ môi trường.	
4	Dân tộc học	8310310	Nhân học, Dân tộc học, Lịch sử, Văn hóa học, Văn hóa dân tộc.	Xã hội học, Công tác xã hội, Đô thị học, Đông phương học, Du lịch, Tôn giáo học, Việt Nam học, Khoa học môi trường, Triết học, Địa lý học, Văn học, Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Hán Nôm, Sáng tác văn học, Quan hệ quốc tế, Giáo dục học, Báo chí, Lý luận âm nhạc, Lý luận nghệ thuật, Kinh tế phát triển, Phát triển nông thôn, Y tế công cộng, Châu Á học, Đông Nam Á học, Chính sách công, Quản lý nhà nước, Ngữ văn Anh, Ngữ văn Trung Quốc, Ngữ văn Pháp, Ngữ văn Nga, Ngữ văn Đức, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Tâm lý học, Quy hoạch đô thị, Nông lâm, Ấn độ học	Các ngành khoa học còn lại (theo kết quả đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển bởi Hội đồng chuyên môn)
5	Du lịch	8810101	Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Sur phạm địa lý, Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam, Văn hoá học, Lịch sử, Quản lý văn hoá, Địa lý học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học,	Quản trị kinh doanh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị, Đô thị học, Quy hoạch vùng và đô thị, bảo tàng học, Quan hệ công chúng,

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quản trị sự kiện	Nhân học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Phát triển nông thôn, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Xã hội học, Kinh doanh thương mại, Thương mại quốc tế, Luật, Khoa học môi trường, Tài chính, Ngân hàng.
6	Địa lý học	8310501	Địa lý học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Sư phạm Địa Lý, Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý biển đảo và đới bờ, Lâm học (hay Lâm nghiệp), Địa lý tài nguyên và môi trường, Khí tượng học (hay Khí tượng và khí hậu học), Thủy văn học, Địa vật lý, Hải dương học, Sinh thái học, Địa	Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quy hoạch vùng và đô thị, Đô thị học, Xã hội học, Nhân học, Khoa học đất, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật địa vật lý	- Cử nhân khoa học các ngành khác (thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn): Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Chính sách công và các ngành còn lại thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn sẽ học chương trình chuyển đổi kiến thức với tổng số 15 tín chỉ.

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
			chất học, Quản lý công, Quản lý xây dựng, Bản đồ, Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ.		- Cử nhân khoa học các ngành khác (không thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn)
7	Đô thị học	8580112	Đô thị học; Qui hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Kiến trúc; Kiến trúc cảnh quan; Thiết kế cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô thị; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc – đô thị; Kinh tế và quản lý đô thị; Thiết kế đô thị	Xây dựng; Quản lý xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Kinh tế Xây dựng; Quản lý dự án; Quản lý tài nguyên môi trường; Khoa học Môi trường; Quản lý đất đai; Kinh tế bất động sản; Kinh tế xây dựng và quản lý dự án; Quản lý dự án và đầu tư Xây dựng; Địa lý học; Xã hội học; Nhân học; Công tác xã hội; Văn hóa học; Luật; Quản lý nhà nước; Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ; Bản đồ học; Viễn Thám; GIS; Du lịch; Giao thông; Hạ tầng kỹ thuật đô thị; Mỹ thuật đô thị; Lâm nghiệp đô thị; Triết học; Lịch sử; Quan hệ quốc tế; Tâm lý học; Đông Phương học; Đông Nam Á học; Báo chí và Truyền thông; Việt Nam học; Nhật Bản học; Hàn quốc học	- Thuộc nhóm các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn: Khảo cổ học; Giáo dục học; Ngữ văn Anh; Ngữ văn Pháp; Ngữ văn Ý; Ngữ văn Nga; Ngữ Văn Đức; Ngữ văn Trung Quốc; Ngữ văn Tây Ban Nha; Lưu trữ học – Quản trị văn phòng; Văn học; Ngôn ngữ học; Thư viện – Thông tin học - Không thuộc nhóm các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn: Các ngành còn lại
8	Hán Nôm	8220104	- Hán Nôm, Ngữ văn Việt Nam, Văn học, Ngôn ngữ học, Ngữ	Những người tốt nghiệp đại học các ngành GẦN và KHÁC với ngành Hán Nôm thuộc	

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
			văn Trung Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung văn, Trung Quốc học, Ngôn ngữ Nhật, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Sư phạm tiếng Trung.	khối ngành KHXH&NV, KHTN đã có bằng/chứng chỉ ngoại ngữ Trung văn	
9	Hàn Quốc học	8310614	Hàn Quốc học, Đông phương học (chuyên ngành Hàn Quốc học), Quốc tế học (chuyên ngành Hàn Quốc học) hoặc bằng cử nhân Hàn Quốc học nước ngoài có giá trị tương đương	Ngôn ngữ Hàn Quốc, Quốc tế học (chuyên ngành khác Hàn Quốc học), Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học (chuyên ngành khác Hàn Quốc học), Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Kinh doanh thương mại Hàn Quốc	Tất cả các ngành học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và tự nhiên khác.
10	Khoa học thư viện	8320203	Thông tin – Thư viện, Thông tin học, Quản lý thông tin	<p>- Các ngành thuộc nhóm:</p> <p>71401 Khoa học giáo dục, 72201 Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, 72202 Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, 73103 Xã hội học và Nhân học, 73201 Báo chí và Truyền thông, 73203 Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng học, 73204 Xuất bản - Phát hành, 73404 Quản trị - Quản lý, 73801 Luật</p> <p>74801 Máy tính, 74802 Công nghệ thông tin.</p> <p>- Các ngành:</p> <p>Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa</p>	Các ngành còn lại
11	Lịch sử thế giới	8229011	Lịch sử thế giới và các ngành: Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa	Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam: 8 ngành (Ngôn ngữ Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ	Các ngành còn lại

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
			học; Tôn giáo học; Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Lịch sử sử học và sử liệu học; Khảo cổ học; Quan hệ quốc tế; Quốc tế học; Đông Phương học.	các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn hóa dân gian), Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài: 12 ngành (Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học so sánh, Văn học Nga, Văn học Trung Quốc, Văn học Anh, Văn học Pháp, Văn học Bắc Mỹ).	
12	Lịch sử Việt Nam	8229013	Lịch sử Việt Nam và các ngành: Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Chính trị học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử thế giới; Lịch sử phong trào cộng sản, Công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Lịch sử sử học và sử liệu học; Khảo cổ học; Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng; Văn hóa học; Nhân học; Đông phương học; Quan hệ quốc tế; Quốc tế học; Bảo tàng học và Di sản; Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà Nước.	<p>- Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam: Ngôn ngữ Việt Nam; Hán Nôm; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam; Việt Nam học; Lý luận văn học; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian; Văn hóa dân gian.</p> <p>- Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ học; Ngôn ngữ học so sánh; Văn học Nga; Văn học Trung Quốc; Văn học Anh; Văn học Pháp; Văn học Bắc Mỹ.</p>	Các ngành còn lại
13	Lưu trữ học	8320303	Lưu trữ học, Bảo tàng học	Báo chí và Truyền thông, Thông tin -Thư viện, Xuất bản-Phát hành.	Các ngành còn lại

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
14	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	8140111	Ngữ văn Anh, Ngôn ngữ Anh, Sư Phạm Tiếng Anh		
15	Ngôn ngữ học	8229020	Ngôn ngữ học; Văn học; Sư phạm Ngữ văn; Hán Nôm; Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ Việt Nam; Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam; - Sư phạm Tiếng Bana; Sư phạm Tiếng Ê đê; Sư phạm Tiếng Jrai; Sư phạm Tiếng Khmer; Sư phạm Tiếng H'mong; Sư phạm Tiếng Chăm; Sư phạm Tiếng M'ông; Sư phạm Tiếng Xê đăng; - Ngôn ngữ Jrai; Ngôn ngữ Khmer; Ngôn ngữ H'mong; Ngôn ngữ Chăm; - Sư phạm Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Nga; Sư phạm Tiếng Pháp; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Đức; Sư phạm Tiếng Nhật; Sư phạm Tiếng Hàn Quốc; - Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Tây Ban Nha; Ngôn ngữ Bồ Đào Nha; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ Ả rập; - Quốc tế học; Châu Á học; Thái Bình Dương học; Đông Phương học; Trung Quốc 	Các ngành còn lại

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				<p>học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Việt Nam học;</p> <p>Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Biên kịch sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình;</p> <p>- Triết học; Văn hoá học; Nhân học; Sáng tác văn học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam;</p> <p>- Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng;</p> <p>Quản trị văn phòng; Marketing; Xuất bản; Lưu trữ; Quản lý nhà nước;</p> <p>- Luật; Du lịch;</p>	
16	Ngôn ngữ Trung Quốc	8220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Su phạm tiếng Trung Quốc, Hán Nôm	Đông phương học – chuyên ngành Trung Quốc học
17	Nhân học	8310302	Nhân học, Dân tộc học, Xã hội học, Công tác xã hội, Đô thị học	Đông phương học, Du lịch, Tôn giáo học, Việt Nam học, Khoa học môi trường, Triết học, Địa lý học, Quan hệ quốc tế, Giáo dục học, Báo chí, Văn hóa dân tộc, Lịch sử, Văn học, Ngữ văn, Ngôn ngữ học, Hán Nôm, Sáng tác văn học, Lý luận âm nhạc, Lý luận nghệ thuật, Kinh tế phát triển, Phát triển nông thôn, Y tế công cộng, Châu Á học,	Theo kết quả đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển bởi Hội đồng chuyên môn

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				Đông Nam Á học, Chính sách công, Quản lý nhà nước, Ngữ văn Anh, Ngữ văn Trung Quốc, Ngữ văn Pháp, Ngữ văn Nga, Ngữ văn Đức, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Tâm lý học, Quy hoạch quản lý đô thị, Nông Lâm, Ấn Độ học.	
18	Quan hệ quốc tế	8310206	Quan hệ quốc tế, Quốc tế học	Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Chính trị học (Khoa học chính trị)	Tất cả các ngành thuộc khối ngành Nhân văn, khối ngành Xã hội, khối ngành Kinh tế, cử nhân Đông phương học, cử nhân các ngành ngoại ngữ, Cử nhân An ninh và Quốc phòng các ngành: Tinh báo an ninh, Tinh báo quân sự, Chiến lược quốc phòng.
19	Quản lý giáo dục	8140114	Quản lý giáo dục, Giáo dục học	Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Đặc biệt, Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Thể chất, Huấn luyện thể thao, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Các ngành sư	Các ngành còn lại

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				phạm ngôn ngữ khác thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên	
20	Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	Địa lý học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Sư phạm Địa Lý, Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý biển đảo và đới bờ, Lâm học (hay Lâm nghiệp), Địa lý tài nguyên và môi trường, Khí tượng học (hay Khí tượng và khí hậu học), Thủy văn học, Địa vật lý, Hải dương học, Sinh thái học, Địa chất học, Quản lý công, Quản lý xây dựng, Bản đồ, Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý, Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quy hoạch vùng và đô thị, Đô thị học, Xã hội học, Nhân học, Khoa học đất, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật địa vật lý	- Cử nhân khoa học các ngành khác (thuộc lĩnh vực Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn): Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Chính sách công và các ngành còn lại thuộc lĩnh vực Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn sẽ học chương trình chuyển đổi kiến thức với tổng số 15 tín chỉ. - Cử nhân khoa học các ngành khác (không thuộc lĩnh vực Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn): các ngành còn lại sẽ học chương trình chuyển đổi kiến thức với tổng số 20 tín chỉ.
21	Tâm lý học lâm sàng	8310402	Tâm lý học, Tâm lý giáo dục, tâm lý học đường	Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ tâm thần, Bác sĩ nhi, Bác sĩ y học cổ truyền, Y tế công cộng	
22	Triết học	8229001	Triết học và các chuyên ngành khác của ngành Triết học, Cử nhân chính trị và Cử nhân giáo dục chính trị.	Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng, Sử - Chính trị, Tôn giáo học, giáo dục công dân; Tâm lý học, Luật học, Xã hội học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Văn hoá học, Văn học, Quản lý khoa học và công nghệ, Hành chính học, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện,	- Các nhóm ngành khác thuộc lĩnh vực KHXH&NV: Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên; Nghệ thuật, Nhân văn, Khoa học xã hội và Hành vi; Báo chí và Thông tin; Kinh doanh và

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				<p>Công tác xã hội, Nhân học, Dân tộc học, Hồ Chí Minh học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước.</p>	<p>Quản lý; Pháp luật (Những nhóm ngành này được thực hiện theo quy định trong Danh mục thống kê các ngành đào tạo trình độ đại học theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).</p> <p>- Các nhóm ngành khác không thuộc lĩnh vực KHXH&NV: Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Toán và Thống kê; Máy tính và Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông lâm nghiệp và thủy sản, Sức khỏe, Dịch vụ xã hội, Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh, Quốc phòng</p>
23	Văn hoá học	8229040	<p>Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Văn hóa dân gian, Văn hóa so sánh, Văn hóa các dân thiểu số Việt Nam.</p>	<p>1/ Nhóm ngành Khoa học giáo dục & Đào tạo giáo viên: - Khoa học giáo dục: Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Giáo dục và phát triển</p>	<p>Các ngành còn lại</p>

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				<p>cộng đồng; Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục, Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy, Giáo dục quốc tế và so sánh,</p> <p>- Đào tạo giáo viên: Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị, Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao, Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp, Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Sư phạm nghệ thuật, Sư phạm công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Giáo dục pháp luật, Sư phạm Lịch sử - Địa lý.</p> <p>2/ Nhóm ngành Nghệ thuật:</p> <p>- Mỹ thuật: Lý luận và lịch sử mỹ thuật, Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật, Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Gốm, Mỹ thuật đô thị, Mỹ thuật tạo hình,</p>	

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				<p>- Nghệ thuật trình diễn: Âm nhạc học, Nghệ thuật âm nhạc, Sáng tác âm nhạc, Chỉ huy âm nhạc, Thanh nhạc, Biểu diễn nhạc cụ phương tây, Piano, Nhạc Jazz, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu, Lý luận và lịch sử sân khấu, Nghệ thuật sân khấu, Biên kịch sân khấu, Diễn viên sân khấu kịch hát, Đạo diễn sân khấu, Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình, Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình, Nghệ thuật điện ảnh, truyền hình, Biên kịch điện ảnh, truyền hình, Diễn viên kịch, điện ảnh-truyền hình, Đạo diễn điện ảnh, truyền hình, Quay phim, Lý luận, lịch sử và phê bình múa, Diễn viên múa, Biên đạo múa, Huấn luyện múa;</p> <p>- Nghệ thuật nghe nhìn: Nhiếp ảnh, Công nghệ điện ảnh, truyền hình, Thiết kế âm thanh, ánh sáng;</p> <p>- Mỹ thuật ứng dụng: Thiết kế công nghiệp, Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh, Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng, Mỹ thuật ứng dụng.</p> <p>3/ Nhóm các ngành Nhân văn:</p> <p>- Tôn giáo học, Khảo cổ học, Xã hội học, Nhân học, Dân tộc học, Tâm lý học, Tâm lý</p>	

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				<p>học giáo dục, Tâm lý học lâm sàng, Địa lý học.</p> <p>- Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Gia đình học,</p> <p>- Ngôn ngữ, Văn học và văn hóa Việt Nam: Ngôn ngữ Việt Nam, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Sáng tác văn học, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian.</p> <p>- Ngôn ngữ, Văn học và văn hóa nước ngoài: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả Rập, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài.</p> <p>4/ Nhóm ngành Khu vực học: Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học,</p>	

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				<p>Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</p> <p>5/ Nhóm ngành Khoa học xã hội và hành vi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế học: Kinh tế, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Quản lý kinh tế. - Khoa học chính trị: Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế. Phát triển bền vững, Phát triển con người, Quyền con người. <p>6/ Nhóm ngành Báo chí và Thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo chí, Báo chí học, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng; - Thông tin – Thư viện, Thông tin học, Khoa học thư viện, Quản lý thông tin - Lưu trữ học, Bảo tàng học, - Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm. <p>7/ Nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý:</p> <p>Kinh doanh, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may;</p>	

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				<p>Tài chính-Ngân hàng, Bảo hiểm, công nghệ tài chính, Kế toán, Kiểm toán; Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Quan hệ lao động, Quản lý dự án; Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.</p> <p>8/ Nhóm ngành kiến trúc và quy hoạch: Kiến trúc, Kiến trúc cảnh quan, Kiến trúc nội thất, Kiến trúc đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị và công trình, Thiết kế nội thất, Bảo tồn di sản kiến trúc – Đô thị, Đô thị học.</p> <p>8/ Nhóm ngành Dịch vụ xã hội: Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.</p> <p>9/ Nhóm ngành Du lịch, Khách sạn, Thể thao và Dịch vụ cá nhân: Du lịch, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý thể dục thể thao, Huấn luyện thể thao, Kinh tế gia đình.</p>	

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
24	Văn học nước ngoài	8220242	Ngôn ngữ học, Văn học, Ngữ văn (cử nhân/sư phạm), Ngữ văn Việt Nam, Hán Nôm, Lý luận và phê bình sân khấu, Biên kịch sân khấu, Lý luận và phê bình điện ảnh – truyền hình, Biên kịch điện ảnh – truyền hình, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Lý luận và phương pháp dạy văn, Sáng tác văn học.	<p>- Ngôn ngữ/Ngữ văn: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Nhật, Hàn Quốc, Ả rập, Giáo dục ngôn ngữ/Phương pháp giảng dạy tiếng Anh/Pháp/Nga/Hoa/ Nhật/ Hàn.</p> <p>- Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Văn hóa học, Văn hóa dân tộc, Văn hóa quần chúng, Du lịch, Nhân học, Triết học, Báo chí và Truyền thông, Quan hệ công chúng và truyền thông, Châu Á học.</p>	
25	Văn học Việt Nam	8220121	Văn học; Ngữ văn (cử nhân/ sư phạm); Ngữ văn Việt Nam; Ngôn ngữ học; Hán Nôm; Sáng tác văn học, Lý luận và phê bình sân khấu, Biên kịch sân khấu, Lý luận và phê bình điện ảnh - truyền hình, Biên kịch điện ảnh - truyền hình, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Lý luận và phương pháp dạy văn, Sáng tác văn học.	<p>- Ngôn ngữ/ Ngữ văn: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italia, Nhật, Hàn Quốc, Ả Rập, Giáo dục ngôn ngữ/ Phương pháp giảng dạy tiếng Anh/ Pháp/ Nga/ Hoa/ Nhật/ Hàn.</p> <p>- Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Văn hóa học, Nhân học, Văn hóa dân tộc, Văn hóa quần chúng, Du lịch, Báo chí và truyền thông, Quan hệ công chúng và truyền thông, Châu Á học.</p>	
26	Việt Nam học	8310630	Việt Nam học, Ngôn ngữ Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ các	Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ	- Ngành khác thuộc lĩnh vực KHXX&NV (học 15 tín chỉ)

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
			dân tộc thiểu số Việt Nam, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn hóa dân gian, Văn hóa học, Lịch sử (Việt Nam, Thế giới, Đảng Công Sản Việt Nam), Khảo Cổ học, Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, Nhân học, Dân tộc học, Tôn giáo học, Du lịch, Văn hóa các dân tộc thiểu số, Văn hóa nghệ thuật; Ngữ văn.	Nhật; Ngôn ngữ Đức; Văn học Nga; Văn học Trung Quốc; Văn học Anh; Văn học Pháp; Văn học Bắc Mỹ; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; Lịch sử sử học và sử liệu học; Xã hội học; Quan hệ Quốc tế; Quản lý giáo dục; Tâm lý học.	- Ngành khác không thuộc lĩnh vực KHXX&NV (học 21 tín chỉ)
27	Xã hội học	8310301	Xã hội học và Nhân học	Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn hoá học, Quản lý văn hoá, Gia đình học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Thông tin – Thư viện, Quản lý thông tin, Quản trị kinh doanh, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Đô thị học, Công tác xã hội, Du lịch, Chính sách công, Dân số và phát triển, Giáo dục học, Nghiên cứu thị trường và thăm dò	Các ngành còn lại

Số TT	Ngành	Mã số	Ngành đào tạo đại học đúng và phù hợp	Ngành đào tạo đại học gần	Ngành đào tạo đại học khác
				du lịch, Phát triển nông thôn, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý giáo dục, Quản lý tài nguyên và môi trường, Văn hóa du lịch, Y tế công cộng.	